

Số:130 /2022/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai.

Căn cứ vào các Điều 146, 147, 212, 213, 235 và Điều 246, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 828/ 2020/ TLST - HNGĐ ngày 29/12/2021.

XÉT THẤY

Tại phiên toà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Đắc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm C, xã S, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm C, xã S, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

3.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Đắc T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

3.2. Về con chung: Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

- Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Nguyễn Đắc T, sinh ngày 13/9/2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Nguyễn Thu T, sinh ngày 01/7/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị N, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3.3. Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

3.4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000846 ngày 29 / 12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSNDTP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND, xã Sơn Cẩm, TPTN.;
- Lưu LH, HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà